

140

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 (2025-2026)

C.L.Anh

Đ: 29

H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Địa lý Hàn Quốc (22441202)

Ngày thi: 30/01/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Nguyễn Văn Vũ

Nguyễn Văn Vũ

Nguyễn Văn Vũ

Nguyễn Văn Vũ

| STT | Mã SV      | Họ và Tên          | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|-----------|------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2124360034 | Ninh Thị Vân       | Anh       | 22/08/2006 | CCQ2436A    | 05        | V.Anh      | 8,8         | 7,8     | 8,2     |
| 2   | 2124360006 | Lương Thị Ngọc     | Diệp      | 03/05/1983 | CCQ2436A    | 06        | Diệp       | 8,9         | 5,1     | 6,6     |
| 3   | 2124360012 | Huỳnh Thi          | Đình      | 08/12/2006 | CCQ2436A    | 07        | Thi        | 9,2         | 6,2     | 7,4     |
| 4   | 2124360036 | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | Giao      | 28/01/2006 | CCQ2436A    | 08        | Quỳnh      | 8,7         | 4,9     | 6,4     |
| 5   | 2124360010 | Nguyễn Nhã Thanh   | Hằng      | 19/07/2006 | CCQ2436A    | 05        | Thanh      | 8,7         | 4,5     | 6,2     |
| 6   | 2124360041 | Bùi Quang Đức      | Hiếu      | 03/01/2005 | CCQ2436A    | 05        | Đức        | 0,0         | Cấm thi | 0,0     |
| 7   | 2124360033 | Trần Thị           | Hoa       | 25/09/2006 | CCQ2436A    | 6         | Hoa        | 8,6         | 5,1     | 6,5     |
| 8   | 2124360013 | Nguyễn Kim         | Khánh     | 29/04/2006 | CCQ2436A    | 07        | Kim        | 8,6         | 5,0     | 6,4     |
| 9   | 2124360028 | Trương Thụy Phương | Linh      | 02/07/2006 | CCQ2436A    | 06        | Phương     | 8,8         | 2,5     | 5,0     |
| 10  | 2124360005 | Vũ Thùy            | Linh      | 20/01/2004 | CCQ2436A    | 08        | Thùy       | 9,2         | 8,3     | 8,7     |
| 11  | 2124360025 | Phan Thị Xuân      | Mai       | 30/09/2006 | CCQ2436A    | 05        | Xuân       | 7,1         | 6,2     | 6,6     |
| 12  | 2124360027 | Nguyễn Duy         | Mạnh      | 24/06/2006 | CCQ2436A    | 06        | Duy        | 8,1         | 6,0     | 6,8     |
| 13  | 2124360008 | Trần Thảo          | Ngân      | 22/06/2004 | CCQ2436A    | 07        | Thảo       | 8,8         | 5,1     | 6,6     |
| 14  | 2124360023 | Trương Bảo         | Ngân      | 19/04/2006 | CCQ2436A    | 08        | Bảo        | 8,5         | 4,5     | 6,4     |
| 15  | 2124360018 | Tô Mẫn             | Nghi      | 25/08/2004 | CCQ2436A    | 05        | Mẫn        | 7,2         | 4,1     | 5,3     |
| 16  | 2124360015 | Võ Trần Bảo        | Nghi      | 12/03/2006 | CCQ2436A    | 06        | Bảo        | 9,6         | 7,6     | 8,4     |
| 17  | 2124360022 | Trần Hồng          | Ngọc      | 07/09/2006 | CCQ2436A    | 07        | Hồng       | 8,9         | 5,5     | 6,9     |
| 18  | 2124360024 | Nguyễn Hoàng Thảo  | Nguyễn    | 11/04/2006 | CCQ2436A    | 08        | Thảo       | 8,5         | 7,0     | 7,6     |
| 19  | 2124360007 | Hoàng Thị Tâm      | Như       | 10/03/2006 | CCQ2436A    | 05        | Tâm        | 7,3         | 4,2     | 5,4     |
| 20  | 2124360029 | Bùi Thị Ngọc       | Phương    | 24/06/2006 | CCQ2436A    | 06        | Ngọc       | 8,8         | 6,5     | 7,4     |
| 21  | 2124360019 | Vũ Thị Mai         | Phương    | 05/09/2006 | CCQ2436A    | 07        | Mai        | 8,3         | 4,2     | 5,8     |
| 22  | 2124360004 | Nguyễn Minh        | Thư       | 09/09/2005 | CCQ2436A    | 08        | Minh       | 9,7         | 7,2     | 8,2     |
| 23  | 2124360043 | Nguyễn Ngọc Anh    | Thư       | 16/03/2005 | CCQ2436A    | 05        | Anh        | 8,8         | 4,3     | 6,1     |
| 24  | 2124360021 | Dương Ngọc Thúy    | Thương    | 06/04/2006 | CCQ2436A    | 06        | Thúy       | 8,9         | 5,8     | 7,0     |
| 25  | 2124360016 | Nguyễn Ngọc        | Trâm      | 09/08/2006 | CCQ2436A    | 07        | Ngọc       | 8,8         | 4,8     | 6,4     |
| 26  | 2124360003 | Lưu Mỹ             | Trình     | 10/06/2006 | CCQ2436A    | 05        | Mỹ         | 0,0         | Cấm thi | 0,0     |
| 27  | 2124360032 | Trần Nguyễn Huyền  | Trình     | 28/06/2006 | CCQ2436A    | 05        | Huyền      | 8,8         | 5,7     | 6,9     |
| 28  | 2124360035 | Hồ Thị             | Vy        | 22/04/2006 | CCQ2436A    | 06        | Vy         | 8,7         | 5,4     | 6,7     |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

C.L.Anh

Môn học: Địa lý Hàn Quốc (22441202)

Ngày thi: 30/01/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn  
Nguyễn  
Nguyễn  
Vũ

Nguyễn  
Lê Đức  
Thương

Nguyễn  
Hương  
Lorey

Nguyễn  
Lan Anh

| STT | Mã SV      | Họ và Tên          | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 29  | 2124360014 | Mai Ngọc Yến Vy    | 15/07/2006 | CCQ2436A | 07          |           | 9,1        | 6,2         | 7,4     |         |
| 30  | 2124360017 | Nguyễn Ngọc Yến Vy | 10/05/2006 | CCQ2436A | 08          |           | 8,9        | 5,0         | 6,6     |         |
| 31  | 2124360011 | Đào Ngọc Như Ý     | 29/08/2006 | CCQ2436A | 05          |           | 9,1        | 7,0         | 7,8     |         |